

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2022

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Chung**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

Thư ký phiên tòa: Ông **L Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 414/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện Ch, tỉnh K.

(Chị Nguyễn Ngọc Th có mặt tại phiên tòa)

** Bị đơn:* Anh **Trần Ngọc L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Trần Ngọc L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-8-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Vào năm 2007 chị và Trần Ngọc L thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, từ đó không còn tình cảm và sống không hạnh phúc và hai người đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, không thể chung sống với nhau với nhau được nữa nên chị Th quyết định ly hôn với anh Trần Ngọc L.

Quá trình chung sống chị và anh L có chung với nhau 01 con tên Trần Thị Mỹ Ch, sinh ngày 21-8-2008.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nay chị Nguyễn Ngọc Th có yêu cầu:

- Về hôn nhân : Xin được ly hôn với anh Trần Ngọc L

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Thị Mỹ Ch, sinh ngày 21-8-2008, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Ngọc L trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Ngọc Th về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Tại phiên tòa, anh Trần Ngọc L vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 31-8-2022; Biên bản hòa giải ngày 31-8-2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05-9-2022 anh L có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Th

- Về con chung: Đồng ý giao con chung Trần Thị Mỹ Ch, sinh ngày 21-8-2008 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 14-8-2022 chị Nguyễn Ngọc Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Ngọc L. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K. Bị đơn anh Trần Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Ngọc Th và anh Trần Ngọc L chung sống với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp L”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị Nguyễn Ngọc Th và anh Trần Ngọc L là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Ngọc Th và anh Trần Ngọc L đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có 01 người con chung Trần Thị Mỹ Ch, sinh ngày 21-8-2008. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh L thống nhất thỏa Thận giao con cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy sự thỏa Thận này của chị Th và anh L phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên HĐXX ghi nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị Th về quyền yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Th xác định không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con và việc chị Th không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Ngọc Th và anh Trần Ngọc L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc Th và anh Trần Ngọc L cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Ngọc Th là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Thu, miễn, giảm, Thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc Th và anh Trần Ngọc L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả Thận giữa chị Nguyễn Ngọc Th và anh Trần Ngọc L thống nhất giao con tên: Trần Thị Mỹ Ch, sinh ngày 21-8-2008 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của con), chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc Th và anh Trần Ngọc L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc Th và anh Trần Ngọc L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009624, ngày 18 tháng 8 năm

2022 của Ch cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; Chị Th không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6.Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Ngọc L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Ch cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

